

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÀ THẠC SĨ
Áp dụng cho các khóa Đại học chính quy tuyển sinh từ năm 2024
(Ban hành kèm theo quyết định số/20.. của Hiệu trưởng
Trường Đại học Bà Rịa-Vũng Tàu)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chương trình đào tạo: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

2. Trình độ đào tạo: Đại học

3. Ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Logistics and Supply Chain Management
- Chuyên ngành:

Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng

Chuyên ngành Logistics cảng biển – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế

Chuyên ngành Logistics cảng hàng không – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế

4. Mã ngành: 7510605

5. Loại hình đào tạo: Chính quy

6. Thời gian đào tạo: 3,5 năm

7. Tổng khối lượng kiến thức: 152 tín chỉ (120 tín chỉ tích lũy và 32 tín chỉ không tích lũy)

8. Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
- Tên tiếng Anh: Bachelor of Logistics and Supply Chain Management

9. Khoa chủ quản:

- Địa chỉ văn phòng: Khoa Kinh tế biển - Logistics
- Điện thoại liên lạc: 0254 7305456 (Số nhánh: 3111 và 3114)
- Website: bvuv.edu.vn
- Email: khoakinhtebien_logistics@bvuv.edu.vn

10. Vị trí việc làm:

Sau khi tốt nghiệp ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu, sinh viên có thể làm việc ở các vị trí như:

- Vị trí việc làm 1: Các Doanh nghiệp sản xuất Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải gồm: Chuyên viên thu mua, quản lý kho vật tư nguyên liệu, kho thành phẩm, phân phối sản phẩm;
- Vị trí việc làm 2: Các Doanh nghiệp logistics gồm: Chuyên viên thương vụ, kinh doanh, điều phối dịch vụ, giao nhận – thông quan Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải xuất nhập khẩu, dịch vụ khách hàng, quản lý chất lượng, nhân viên bán hàng...;
- Vị trí việc làm 3: Các Trung tâm logistics, Trung tâm phân phối gồm: Chuyên viên khai thác, kinh doanh, phát hành chứng từ, kế hoạch kho bãi, giao nhận hiện trường, điều phối dịch vụ.
- Vị trí việc làm 4: Các cảng biển gồm: Điều độ viên, kế hoạch kho bãi, giao nhận hiện trường, giao nhận kho hàng tại các cảng biển;
- Vị trí việc làm 5: Các hãng tàu vận tải biển gồm: Điều độ viên, chuyên viên khai thác – thương vụ; chứng từ hàng xuất nhập tàu tại văn phòng công ty hoặc văn phòng hãng tàu tại các cảng biển;
- Vị trí việc làm 6: Chủ doanh nghiệp logistics, thực hiện khởi nghiệp; tạo lập doanh nghiệp và điều hành doanh nghiệp.
- Vị trí việc làm 7: Các Sở Ban địa phương và trung ương gồm: Chuyên viên phòng Logistics, vận tải, phòng Thương mại, phòng Xuất nhập khẩu...;
- Vị trí việc làm 8: Giảng viên, giáo viên, nghiên cứu viên giảng dạy tại các Trường Đại học, cao đẳng và Viện nghiên cứu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được xây dựng dựa trên những căn cứ sau:

1. Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19 tháng 11 năm 2018;
2. Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
3. Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
4. Quyết định 1982/QĐ-TTg 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam;
5. Quyết định số 27/2006/QĐ-TTg ngày 27 tháng 1 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;
6. Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học;
7. Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về chuẩn chương trình đào, xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

8. Thông tư số 02/2012/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

9. Thông tư số 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Danh mục thông kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

10. Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

11. Thông tư số 12/2024/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

12. Quyết định số 03/QĐ-BVU ngày 01 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

13. Quyết định số 191/QĐ-BVU ngày 06 tháng 09 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu;

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng theo định hướng ứng dụng:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, ý thức bảo vệ Tổ quốc, có trách nhiệm với xã hội.
- Có đầy đủ kiến thức và kỹ năng cơ bản và chuyên sâu cùng kiến thức thực tế trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
- Có khả năng làm việc độc lập, tự học, nghiên cứu, sáng tạo, khởi nghiệp.
- Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và tin học đạt mức chuẩn tối thiểu của khung trình độ quốc gia Việt Nam.
- Có kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng nhu cầu lao động trong nước và hội nhập quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể:

Kiến thức	
PO1	Cung cấp cho sinh viên đầy đủ kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, quốc phòng-an ninh, ngoại ngữ, tin học, ...
PO2	Trang bị cho sinh viên đầy đủ kiến thức về cơ sở ngành và chuyên ngành lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
Kỹ năng	
PO3	Phát triển kỹ năng sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, ngoại ngữ, kỹ năng mềm phục vụ cho lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
PO4	Xây dựng cho sinh viên kỹ năng nhận thức, thực hành nghề nghiệp, giao tiếp ứng xử để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn tương xứng với vị trí nghề nghiệp trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	

PO5	Bồi dưỡng, rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, ý thức trách nhiệm xã hội, và sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu công việc, bảo vệ Tổ quốc.
PO6	Hình thành cho sinh viên khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, tự học, học tập suốt đời để thích ứng với mọi điều kiện làm việc thuộc lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.

**PROGRAMME OBJECTIVES (POs)*

IV. CHUẨN ĐẦU RA

Kiến thức	
PLO1	Sinh viên hiểu biết cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.
PLO2	Sinh viên có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc
PLO3	Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu rộng, kiến thức bổ trợ cần thiết trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng để giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
PLO4	Sinh viên có kiến thức cơ bản về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình hoạt động trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Biết được các phương thức chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng, triển khai kinh doanh
PLO5	Sinh viên có kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Hiểu rõ và vận dụng được các quy trình vận hành, quản lý của một doanh nghiệp logistics.
PLO6	Sinh viên có thể học lên bậc sau đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, các ngành phù hợp theo quy định của pháp luật. Nắm bắt định hướng, xu hướng phát triển của ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng.
Kỹ năng	
PLO7	Có năng lực ngoại ngữ tối thiểu bậc 3/6 khung trình độ quốc gia Việt Nam. Có kỹ năng sử dụng thành thạo các phần mềm Word, Excel, Powerpoint,... theo chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist)
PLO8	Có khả năng giải quyết các tình huống thường gặp trong lĩnh vực logistics. Có kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng: Khả năng phân tích, nhận diện các cơ hội, nguy cơ, điểm mạnh, điểm yếu của doanh nghiệp cũng như tham mưu cho doanh nghiệp trong công tác hoạch định chiến lược và chính sách kinh doanh, lập kế hoạch kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh logistics. Phân tích, đánh giá, điều hành và thiết kế các hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng; tính toán, phân tích thị trường và xây dựng chiến lược; phân tích và tìm giải pháp tối ưu trong Logistics, thiết kế giải pháp tổng thể giảm chi phí vận hành các hoạt động trong chuỗi cung ứng.
PLO9	Có kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm, tìm việc cho mình và cho người khác. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.
PLO10	Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. Khả năng phân tích, sáng tạo và đánh giá các thông tin để đưa ra các quyết định về: quản trị vận tải, quản trị giao nhận, quản trị kho hàng, bảo hiểm trong ngoại thương,...
Mức độ tự chủ và trách nhiệm	

PLO11	Có năng lực làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm. Biết tôn trọng sự khác biệt giữa các thành viên trong nhóm và tìm sự thống nhất thông qua thảo luận. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động
PLO12	Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. Tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ chuẩn mực đạo đức và nguyên tắc nghề nghiệp. Tích cực tham gia các phong trào trong và ngoài trường nhằm trau dồi thêm kỹ năng sống và học tập cho mình.
PLO13	Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. Phát triển năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể, dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ Logistics và quản lý chuỗi cung ứng đã được đào tạo. Hình thành khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có sự đam mê đối với ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng

**PROGRAMME LEARNING OUTCOMES (PLOs)*

V. CHUẨN ĐẦU VÀO

Chuẩn đầu vào của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng thực hiện theo quy định trong Đề án tuyển sinh hàng năm của Nhà trường.

VI. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

1. Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo của ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng hệ đại học chính quy được thực hiện theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Nhà trường.

2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện tốt nghiệp của sinh viên ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng tuân thủ theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Nhà trường.

VII. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO - PROGRAMME STRUCTURE

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
I. KIẾN THỨC TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			
1	Giáo dục đại cương	40	33,33%
2	Giáo dục chuyên nghiệp	80	66,67%
2.1	Cơ sở ngành, chuyên ngành	62	
2.2	Học kỳ doanh nghiệp	10	
2.3	Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế	8	
TỔNG CỘNG		120	100%
II. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			

STT	KHỐI KIẾN THỨC	SỐ TÍN CHỈ	TỈ LỆ
1	Giáo dục quốc phòng và an ninh	08*	
2	Giáo dục thể chất	03*	
3	Chuẩn đầu ra Tin học	06*	
4	Chuẩn đầu ra Tiếng Anh	12*	
5	Chuẩn đầu ra kỹ năng mềm	03*	
TỔNG CỘNG		32*	
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>			

VIII. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG			40					10
1	0101122791	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	6		2
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
4	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
5	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
6	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	3	0	6		1
7	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
8	0101124325	Marketing và cung ứng dịch vụ	3	3	0	6		
9	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		1
10	0101123614	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	3	0	6		1
11	0101123622	Tiếng Anh/ Tiếng Nhật giao tiếp	3	3	0	6		
Sinh viên chọn ngoại ngữ tiếng Anh								
12.1	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6		

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
13.1	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
14.1	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
15.1	0101124301	Tiếng Anh Văn phòng	3	3	0	6		
Sinh viên chọn ngoại ngữ tiếng Nhật								
12.2	0101124308	Tiếng Anh/Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	3	0	6		
13.3	0101121913	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)	3	3	0	6		
14.2	0101121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)	3	3	0	6	0101121913	
15.2	0101124113	JLPT N5 CDR (tiếng Nhật)	3	2	1	6		
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			18					0
16	0101124324	Hợp đồng vận tải và dịch vụ	3	3	0	6	0101123614	
17	0101124327	Kinh tế vận tải & Logistics	3	3	0	6	0101123614	
18	0101124328	Thống kê trong logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6		
19	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		
20	0101124329	Nghiệp vụ ngoại thương và Xuất nhập khẩu hàng hóa	3	3	0	6	0101123614	
21	0101123078	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6	0101123614	
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			44					0
22	0101124330	Hàng hóa vận tải	3	3	0	6	0101123614	
23	0101123666	Vận tải biển và thủy nội địa	3	3	0	6	0101123614	
24	0101122370	Vận tải hàng không	3	3	0	6	0101123614	
25	0101124084	Vận tải đường sắt và đường bộ	2	2	0	4	0101123614	
26	0101121981	Nghiệp vụ hải quan	3	3	0	6		
27	0101120403	Vận tải đa phương thức	3	3	0	6	0101123666	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
28	0101124078	Quản trị chi phí trong Logistics	3	3	0	6	0101123078	
29	0101123682	Quản trị rủi ro trong logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6	0101123078	
30	0101120333	Hệ thống thông tin trong logistics	3	2	1	6	0101123078	
31	0101124331	Bảo hiểm vận tải	3	3	0	6		
32	0101122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3	3	0	6		
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng								
33	0101124332	Quản trị hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Logistics	3	3	0	6	0101123078	
34	0101124333	Quản trị thu mua và phân phối hàng hóa trong chuỗi cung ứng	2	2	0	4	0101123078	
35	0101124334	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	4	4	0	8	0101123078	
36	0101121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	3	2	1	6		
Nhóm 2: Chuyên ngành Logistics cảng biển – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế								
33	0101122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3	3	0	6	0101123078	
34	0101124335	Quản lý dự án đầu tư cảng biển	2	2	0	4		
35	0101123669	Nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế	4	4	0	8		
36	0101124336	Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cảng biển	3	3	0	6		
Nhóm 3: Chuyên ngành Logistics cảng hàng không - Xuất nhập khẩu - Giao nhận vận tải quốc tế								
33	0101124337	Kinh tế vận tải hàng không	3	3	0	6	0101123078	
34	0101124338	Chứng từ vận tải hàng không quốc tế	3	3	0	6		
35	0101124339	Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hàng không	2	2	0	4		

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
36	0101124340	Tổ chức khai thác cảng hàng không	4	4	0	8		
III. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP			10					0
37	0101124443	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8	0101123614	
38	0101124463	Văn hóa doanh nghiệp	3	3	0	6	0101123614	
39	0101124472	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6	0101123614	
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ			8					2
<i>Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận hoặc học các học phần thay thế</i>								
40	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16	0101124443	
<i>Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>								
40a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
40b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và Khởi nghiệp	2	1	1	4		1
40c	0101122583	Đại lý tàu biển	2	2	0	4		
40d	0101124326	Tổ chức - Quản lý trung tâm logistics	2	2	0	4		
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG			32*					0
41	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	5	3	16		
42	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	0	2	4		
43	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	0	1	2	0101123628	
44	0101123601	Mos Word*	2*	1	1	4		
45	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123601	
46	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123601	
47	0101124357	Kỹ năng nghiệp vụ Logistics và Kinh doanh quốc tế*	3*	3	0	6		
<i>Sinh viên chọn ngoại ngữ tiếng Anh</i>								

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
48.1	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	3*	3	0	6		
49.1	0101123672	Tiếng Anh CDR 2*	3*	3	0	6	0101123671	
50.1	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	3	0	6	0101123672	
51.1	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	3	0	6	0101123673	
Sinh viên chọn ngoại ngữ tiếng Nhật								
48.2	0101124204	Tiếng Nhật CDR 1 (Japanese CDR 1)	3*	3	0	6		
49.2	0101124205	Tiếng Nhật CDR 2 (Japanese CDR 2)	3*	3	0	6	0101124204	
50.2	0101124206	Tiếng Nhật CDR 3 (Japanese CDR 3)	3*	3	0	6	0101124205	
51.2	0101124207	Tiếng Nhật CDR 4 (Japanese CDR 4)	3*	3	0	6	0101124206	
		TỔNG SỐ TÍN CHỈ	152					12
<i>Ghi chú: 120 tín chỉ tích lũy tính điểm trong chương trình đào tạo và 32 tín chỉ có ký hiệu (*) không tích lũy điểm, nhưng bắt buộc học để hoàn thiện chuẩn đầu ra)</i>								

IX. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO CHI TIẾT

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
NĂM THỨ NHẤT								
HỌC KỲ 1			9					2
Học phần bắt buộc			9					2
1	0101123614	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	3	3	3	0		1
2	0101123622	Tiếng Anh/ Tiếng Nhật giao tiếp	3	3	0	6		
3	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	3	0	6		1
HỌC KỲ 2			16					0
Học phần bắt buộc			13					0

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	0101100031	Kinh tế học	3	3	0	6		
2	0101124328	Thống kê trong logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6		
3	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	2	2	0	4		
4	0101123601	Mos Word*	2*	1	1	4		
5	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	3	0	6		
Học phần tự chọn			3					0
6	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	3	0	6		
7	0101124308	Tiếng Anh/Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	3	0	6		
HỌC KỲ 3			16					0
Học phần bắt buộc			13					0
1	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	2	0	4		
2	0101123665	Mos Excel*	2*	1	1	4	0101123601	
3	0101124325	Marketing và cung ứng dịch vụ	3	3	0	6		
4	0101124327	Kinh tế vận tải & Logistics	3	3	0	6	0101123614	
5	0101124324	Hợp đồng vận tải và dịch vụ	3	3	0	6	0101123614	
Học phần tự chọn			3					0
6	0101123676	Tiếng anh thương mại A2	3	3	0	6	0101123675	
7	0101124308	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)						
NĂM THỨ HAI								
HỌC KỲ 4			22					2
Học phần bắt buộc			19					0
1	0101060029	Giáo dục quốc phòng và An ninh*	8*	5	3	16		
2	0101121911	Mos Powerpoint*	2*	1	1	4	0101123601	
3	0101124357	Kỹ năng nghiệp vụ Logistics và Kinh doanh quốc tế*	3*	3	0	6		

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
4	0101122791	Triết học Mác – Lênin	3	3	0	6		2
5	0101124329	Nghiệp vụ ngoại thương và Xuất nhập khẩu hàng hóa	3	3	0	6	0101123614	
Học phần tự chọn			3					0
6	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	3	0	6	0101123676	
7	0101121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)	3	3	0	6	0101121913	
HỌC KỲ 5			19					1
Học phần bắt buộc			13					1
1	0101122792	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	2	0	4	0101122791	1
2	0101124330	Hàng hoá vận tải	3	3	0	6	0101123614	
3	0101123666	Vận tải biển và thủy nội địa	3	3	0	6	0101123614	
4	0101124084	Vận tải đường sắt và đường bộ	2	2	0	4	0101123614	
5	0101122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3	3	0	6		
Học phần tự chọn			6					0
6	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	3	0	6		
7	0101123671	Tiếng Anh CĐR 1*	3*	3	0	6		
8	0101124113	JLPT N5 CĐR (tiếng Nhật)	3	2	1	6		
9	0101124204	Tiếng Nhật CĐR 1 (Japanese CĐR 1)	3*	3	0	6		
HỌC KỲ 6			11					1
Học phần bắt buộc			8					1
1	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0	4	0101122792	1
2	0101123078	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6	0101123614	
3	0101122370	Vận tải hàng không	3	3	0	6	0101123614	
Học phần tự chọn			3					0
4	0101123672	Tiếng Anh CĐR 2*	3*	3	0	6	0101123671	

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
5	0101124205	Tiếng Nhật CĐR 2 (Japanese CĐR 2)	3*	3	0	6	0101124204	
NĂM THỨ BA								
HỌC KỲ 7			19					1
Học phần bắt buộc			11					0
1	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0	4	0101060020	1
2	0101121981	Nghiep vụ hải quan	3	3	0	6		
3	0101124078	Quản trị chi phí trong Logistics	3	3	0	6	0101123078	
4	0101124331	Bảo hiểm vận tải	3	3	0	6		
Học phần tự chọn			8					0
5	0101123673	Tiếng Anh CĐR 3*	3*	3	0	6	0101123672	
6	0101124206	Tiếng Nhật CĐR 3 (Japanese CĐR 3)	3*	3	0	6	0101124205	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng								
7	0101121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	3	2	1	6	0101123614	
8	0101124333	Quản trị thu mua và phân phối hàng hóa trong chuỗi cung ứng	2	2	0	4	0101123614	
Nhóm 2: Chuyên ngành Logistics cảng biển – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế								
7	0101122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3	3	0	6	0101123078	
8	0101124335	Quản lý dự án đầu tư cảng biển	2	2	0	4	0101123614	
Nhóm 3: Chuyên ngành Logistics cảng hàng không - Xuất nhập khẩu - Giao nhận vận tải quốc tế								
7	0101124337	Kinh tế vận tải hàng không	3	3	0	6	0101123078	
8	0101124339	Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hàng không	2	2	0	4		
HỌC KỲ 8			19					1
Học phần bắt buộc			9					0

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
1	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	1	0	2		
2	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0	4	0101060016	1
3	0101120333	Hệ thống thông tin trong logistics	3	2	1	6	0101123078	
4	0101123682	Quản trị rủi ro trong logistics và chuỗi cung ứng	3	3	0	6	0101123078	
Học phần tự chọn			10					0
5	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	3	0	6	0101123673	
6	0101124207	Tiếng Nhật CDR 4 (Japanese CDR 4)	3*	3	0	6	0101124206	
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau</i>								
Nhóm 1: Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng								
7	0101124332	Quản trị hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp Logistics	3	3	0	6	0101123078	
8	0101124334	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	4	4	0	8	0101123078	
Nhóm 2: Chuyên ngành Logistics cảng biển – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế								
7	0101124336	Phân tích hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp cảng biển	3	3	0	6	0101123614	
8	0101123669	Nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế	4	4	0	8	0101123614	
Nhóm 3: Chuyên ngành Logistics cảng hàng không - Xuất nhập khẩu - Giao nhận vận tải quốc tế								
6	0101124340	Tổ chức khai thác cảng hàng không	4	4	0	8	0101123614	
7	0101124338	Chứng từ vận tải hàng không quốc tế	3	3	0	6	0101123614	
HỌC KỲ 9 (Học kỳ doanh nghiệp)			10					0
Học phần bắt buộc								
1	0101124443	Thực tập tốt nghiệp	4	0	4	8	0101123614	
2	0101124463	Văn hóa doanh nghiệp	3	3	0	6	0101123614	
3	0101124472	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	0	3	6	0101123614	
NĂM THỨ TƯ								

S T T	MÃ HỌC PHẦN	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ				Học phần học trước	Số TC online
			Tổng	Lý thuyết	Thực hành	Tự học		
HỌC KỲ 10			11					2
1	0101120403	Vận tải đa phương thức	3	3	0	6	0101123666	
Sinh viên chỉ thực hiện khóa luận hoặc học các học phần thay thế								
2	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	8	8	0	16	0101124443	
Các học phần thay thế khóa luận								
2a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	2	0	4		1
2b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và Khởi nghiệp	2	1	1	4		1
2c	0101122583	Đại lý tàu biển	2	2	0	4		
2d	0101124326	Tổ chức - Quản lý trung tâm logistics	2	2	0	4		

X. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC HỌC PHẦN VÀ CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
I. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG																
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	4	X			X	X	X				X			
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	5	X			X	X	X				X			
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	X			X	X	X				X			
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	8	X			X	X	X				X			
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	X			X	X	X				X			
6	0101123622	Tiếng Anh/ Tiếng Nhật giao tiếp	1		X					X	X	X	X			
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	2		X					X	X	X	X			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3		X					X	X	X	X			
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	4		X					X	X	X	X			
10	0101124301	Tiếng Anh Văn phòng	5		X					X	X	X	X			
11	0101124308	Tiếng Anh/Tiếng Nhật giao tiếp 2	1		X					X	X	X	X			
12	0101121913	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)	2		X					X	X	X	X			
13	0101121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)	3		X					X	X	X	X			
14	0101124113	JLPT N5 CĐR (tiếng Nhật)	4		X					X	X	X	X			
15	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	2		X			X		X		X			X	X
16	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	1	X							X	X	X			
17	0101124325	Marketing và cung ứng dịch vụ	3			X		X	X		X		X	X		X
18	0101123447	Quản trị doanh nghiệp	3	X						X				X		X
19	0101123614	Nhập môn ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	1			X		X	X		X		X	X		X
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH																
20	0101124324	Hợp đồng vận tải và dịch vụ	3			X		X	X		X		X	X		X
21	0101100031	Kinh tế học	2			X					X				X	X
22	0101124328	Thống kê trong logistics và chuỗi cung ứng	2			X	X		X		X	X			X	X
23	0101124327	Kinh tế vận tải & Logistics	3			X		X			X	X			X	X
24	0101124329	Nghiệp vụ ngoại thương và Xuất nhập khẩu hàng hóa	4			X		X	X		X		X	X		X
25	0101123078	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng	5				X	X			X	X		X		X
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH																

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
26	0101124330	Hàng hóa vận tải	5			X		X	X		X		X	X		X
27	0101123666	Vận tải biển và thủy nội địa	5			X		X	X		X		X	X		X
28	0101122370	Vận tải hàng không	6			X		X	X		X		X	X		X
29	0101124084	Vận tải đường sắt và đường bộ	5				X	X			X	X	X	X		X
30	0101121981	Nghiệp vụ hải quan	7			X		X	X		X		X	X		X
31	0101120403	Vận tải đa phương thức	10			X		X	X		X		X	X		X
32	0101124078	Quản trị chi phí trong Logistics	7				X	X			X	X		X		X
33	0101123682	Quản trị rủi ro trong logistics và chuỗi cung ứng	8				X	X			X			X	X	
34	0101120333	Hệ thống thông tin trong logistics	8			X		X	X		X		X	X		X
35	0101124331	Bảo hiểm vận tải	7			X		X	X		X		X	X		X
36	0101122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	5			X		X	X		X		X	X		X
<i>Sinh viên chỉ chọn 01 trong 03 nhóm chuyên ngành sau</i>																
Nhóm 1: Chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng																
37	0101124332	Quản trị hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp Logistics	7			X		X	X		X		X	X		X
38	0101121983	Thương mại điện tử và ứng dụng công nghệ thông tin trong Logistics	7			X		X	X		X	X	X	X		X
39	0101124333	Quản trị thu mua và phân phối hàng hóa trong chuỗi cung ứng	8			X		X	X		X		X	X		X
40	0101124334	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	8				X	X			X	X		X	X	X
Nhóm 2: Chuyên ngành Logistics cảng biển – Xuất nhập khẩu – Giao nhận vận tải quốc tế																
37	0101122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	7				X	X			X		X	X		X

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13
38	0101124335	Quản lý dự án đầu tư cảng biển	7				X	X			X		X	X		X
39	0101124336	Phân tích hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp cảng biển	8			X	X		X		X		X	X		X
40	0101122442	Nghiệp vụ giao nhận vận tải quốc tế	8			X		X	X		X		X	X		X
Nhóm 3: Chuyên ngành Logistics cảng hàng không - Xuất nhập khẩu - Giao nhận vận tải quốc tế																
37	0101124337	Kinh tế vận tải hàng không	7			X		X	X		X		X	X		X
38	0101124340	Tổ chức khai thác cảng hàng không	7			X		X	X		X		X	X		X
39	0101124339	Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hàng không	8			X		X	X		X		X	X		X
40	0101124338	Chứng từ vận tải hàng không quốc tế	8			X		X	X		X		X	X		X
IV. HỌC KỲ DOANH NGHIỆP																
41	0101124444	Thực tập tốt nghiệp	9			X		X	X		X		X	X		X
42	0101124401	Văn hóa doanh nghiệp	9			X		X	X		X		X	X		X
43	0101123713	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	9			X		X	X		X		X	X		X
V. KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP/ HỌC PHẦN THAY THẾ																
<i>Sinh viên chỉ chọn thực hiện khóa luận hoặc học các học phần thay thế</i>																
44	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	10			X		X	X		X		X	X		X
<i>Các học phần thay thế khóa luận</i>																
45a	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	10			X		X	X	X	X		X	X	X	X
45b	0101124026	Kỹ năng tìm việc và Khởi nghiệp	10			X		X	X	X	X	X	X	X		X
45c	0101121987	Đại lý tàu biển	10			X		X	X		X		X	X		X
45d	0101124326	Tổ chức - Quản lý trung tâm logistics	10			X		X	X		X		X	X		X

STT	Mã học phần	Tên học phần	Học kỳ bố trí	Sự đóng góp của các học phần vào việc đạt được chuẩn đầu ra của chương trình												
				P L O 1	P L O 2	P L O 3	P L O 4	P L O 5	P L O 6	P L O 7	P L O 8	P L O 9	P L O 10	P L O 11	P L O 12	P L O 13
VI. KIẾN THỨC KHÔNG TÍNH ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG*																
46	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	4	X							X	X	X			
47	0101123628	Giáo dục thể chất*	1	X							X	X	X			
48	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	8	X							X	X	X			
49	0101123601	Mos Word*	2		X					X	X	X	X			
50	0101121911	Mos Powerpoint*	4		X					X	X	X	X			
51	0101123665	Mos Excel*	3		X					X	X	X	X			
52	0101124357	Kỹ năng nghiệp vụ Logistics và Kinh doanh quốc tế*	4				X	X			X	X		X	X	
53	0101123671	Tiếng Anh CĐR 1*	5		X					X	X	X	X			
54	0101123672	Tiếng Anh CĐR 2*	6		X					X	X	X	X			
55	0101123673	Tiếng Anh CĐR 3*	7		X					X	X	X	X			
56	0101123674	Tiếng Anh CĐR 4*	8		X					X	X	X	X			
57	0101124204	Tiếng Nhật CĐR 1 (Japanese CĐR 1)	5		X					X	X	X	X			
58	0101124205	Tiếng Nhật CĐR 2 (Japanese CĐR 2)	6		X					X	X	X	X			
59	0101124206	Tiếng Nhật CĐR 3 (Japanese CĐR 3)	7		X					X	X	X	X			
60	0101124207	Tiếng Nhật CĐR 4 (Japanese CĐR 4)	8		X					X	X	X	X			

XI. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC HỌC PHẦN

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
1	0101122791	Triết học Mác - Lênin	3	Học phần này cung cấp kiến thức chung nhằm trang bị thế giới quan duy vật khoa học và phương pháp luận biện chứng duy vật cho người học. Học phần giúp người học xác định

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				đúng vai trò, vị trí của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, nâng cao bản lĩnh chính trị, từng bước hình thành những giá trị văn hóa và nhân sinh quan tốt đẹp, củng cố lý tưởng, niềm tin vào con đường và sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước.
2	0101122792	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Học phần này trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi về quá trình sản xuất, trao đổi, tiêu dùng của cải vật chất qua các giai đoạn phát triển của lịch sử xã hội loài người. Thông qua đó, làm rõ bản chất của các quá trình và các hiện tượng kinh tế, tìm ra quy luật vận động của nền kinh tế - xã hội. Trên cơ sở đó hình thành tư duy, kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong giai đoạn hiện nay.
3	0101060020	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Học phần Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác – Lênin, nghiên cứu những quy luật tất yếu của sự ra đời Hình thái kinh tế Cộng sản Chủ nghĩa, những vấn đề Chính trị - Xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng Xã hội Chủ nghĩa trên thế giới và trong đời sống hiện thực ở Việt Nam hiện nay.
4	0101060034	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Học phần bao gồm những nội dung cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, cung cấp các kiến thức cơ bản về: sự ra đời của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua các giai đoạn, thành công, hạn chế, bài học kinh nghiệm về sự lãnh đạo của Đảng. Học phần giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam XHCN.
5	0101060016	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cốt lõi về: sự hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội: Đảng Cộng Sản và Nhà nước Việt Nam; Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; Văn hóa, đạo đức, con người và sự vận dụng của Đảng Cộng sản trong cách mạng Việt Nam. Học phần giúp người học nhận thức được vai trò, giá trị của Tư tưởng Hồ Chí Minh trong thực tiễn.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
6	0101123622	Tiếng Anh/ Tiếng Nhật giao tiếp	3	Học phần này cung cấp kiến thức ngôn ngữ, giúp người học hình thành và phát triển năng lực giao tiếp thông qua rèn luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết thuộc các chủ đề giao tiếp thường gặp hàng ngày. Học phần này cũng giúp người học sử dụng tiếng Anh thành thạo và lưu loát, hiệu quả hơn trong học thuật, đời sống và trong môi trường làm việc.
7	0101123675	Tiếng Anh thương mại A1	3	Học phần trang bị kiến thức từ vựng cho người học xoay quanh các chủ đề trong kinh doanh như quy cách đặt hàng và giao hàng, lịch sử hình thành và phát triển của một công ty, các chuyến đi công tác trong và ngoài nước... Các bài học tập trung trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong những tình huống kinh doanh thực tế như cách thức viết email hỏi hàng, đặt hàng và trao đổi về thông tin sản phẩm cũng như phép ứng xử, giao tiếp trong kinh doanh, từ đó giúp sinh viên ứng dụng và làm tốt công việc sau này.
8	0101123676	Tiếng Anh thương mại A2	3	Học phần giúp cho người học nâng cao vốn từ vựng và tình huống giao tiếp trong ngữ cảnh thương mại, xoay quanh các chủ đề như vấn đề văn hoá trong kinh doanh, dịch vụ khách hàng, sản phẩm, đàm phán, cách thức tham dự các buổi triển lãm, hội chợ thương mại trong nước và quốc tế,... Học phần cũng tập trung trang bị các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết tiếng Anh trong những tình huống kinh doanh thực tế cũng như phép ứng xử trong kinh doanh nhằm giúp người học làm quen và nắm bắt được các kiến thức về thương mại cũng như các kỹ năng cần thiết để có thể vận dụng làm tốt công việc sau này.
9	0101123677	Tiếng Anh thương mại A3	3	Học phần này giúp người học xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp, phát triển kỹ năng giao tiếp về các chủ đề liên quan tới kinh doanh, thương mại, doanh nghiệp, thị trường như kỹ năng làm việc nhóm trong công ty, nghiên cứu và đề ra chiến lược phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường kinh doanh.... Học phần cũng giúp người học trải nghiệm thực tế, vận dụng kiến thức được trang bị để giao tiếp, đàm phán, ứng xử, giải quyết các tình huống trong kinh doanh thông qua các bài học về hội thảo doanh nghiệp.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
10	0101124301	Tiếng Anh văn phòng	3	Học phần chú trọng vào phát triển kỹ năng nghe và nói trong giao tiếp và thực hành tiếng Anh thông qua việc xây dựng vốn từ vựng và ngữ pháp căn bản về các chủ đề liên quan tới môi trường công sở như gặp gỡ khách hàng và ghi nhận thông tin khách hàng, soạn thảo email công việc, trao đổi công việc qua điện thoại. Học phần giúp người học có cơ hội thực hành kiến thức trước khi bước vào môi trường thực tế thông qua các bài học tạo môi trường giả lập văn phòng để cho người học được trải nghiệm thực tế.
11	0101124308	Tiếng Anh/Tiếng Nhật giao tiếp 2	3	Học phần cung cấp khoảng 200 từ vựng quen thuộc, điểm ngữ pháp và tình huống thực tế cơ bản giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng giao tiếp cơ bản.
12	0101121913	Tiếng Nhật 1 (Japanese 1)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) ở cấp độ sơ cấp 1 và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào thực tiễn cuộc sống.
13	0101121914	Tiếng Nhật 2 (Japanese 2)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) ở cấp độ sơ cấp 2 và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào thực tiễn cuộc sống.
14	0101124113	JLPT N5 CDR (tiếng Nhật)	3	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào việc luyện thi năng lực tiếng Nhật JLPT ở trình độ N5.
15	0101123710	Pháp luật về hợp đồng	3	Học phần “Pháp luật về hợp đồng” bao gồm các nội dung cơ bản liên quan đến tất cả các loại hợp đồng như khái niệm, đặc điểm, hiệu lực, trình tự ký kết, thực hiện, thay đổi và trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Các nội dung này sẽ được phân tích kỹ trên cơ sở so sánh các quy định của pháp luật Việt Nam với pháp luật các nước, đối chiếu với thực tiễn thông qua các ví dụ cụ thể.
16	0101123627	Văn hóa sinh viên BVU	3	Học phần giới thiệu đến sinh viên văn hóa, lịch sử hình thành, phát triển BVU và tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu, từ đó giúp sinh viên hiểu và tự hào về ngôi trường đang học tập cũng như nơi mình đang sinh sống. Ngoài ra học phần còn giúp sinh viên trang bị những kiến thức, kỹ năng để chủ động hội nhập, trải nghiệm và phát triển trong môi trường đa văn hóa và định hướng quốc tế.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
17	0101124327	Kinh tế vận tải & Logistics	3	Nghiên cứu đặc trưng chung của sản xuất vận tải và logistics; nghiên cứu các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật cơ bản trong hoạt động vận chuyển, khai thác và logistics, giúp cho sinh viên có kiến thức căn bản, nền tảng để có thể tiếp cận những môn chuyên sâu một cách thuận lợi.
18	0101123626	Quản trị doanh nghiệp	3	Học phần trang bị cho người học kiến thức về các cơ chế, cấu trúc, quy định, điều hành và kiểm soát doanh nghiệp. Học phần giúp sinh viên xác định quy mô, quyền hạn và trách nhiệm của các thành viên trong doanh nghiệp và áp dụng được các kiến thức bài học cho định hướng nghề nghiệp tương lai.
19	0101123614	Nhập môn ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	Học phần cung cấp kiến thức về lịch sử hình thành cũng như vai trò của Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. Học phần giới thiệu những nội dung chính của hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng, bao gồm quản lý vận chuyển, quản lý mua hàng, quản lý tồn kho.. Đây là học phần thuộc khối kiến thức ngành, mang tính khái quát về ngành nghề, giúp sinh viên hình thành nhận thức tổng quan về nghề nghiệp của mình trong tương lai.
20	0101124324	Hợp đồng vận tải và dịch vụ	3	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về các loại hợp đồng vận tải bằng các phương thức vận tải khác nhau. Bên cạnh đó, học phần cung cấp cho sinh viên một số mẫu hợp đồng vận chuyển hàng hóa thường được sử dụng cũng như cung cấp cho sinh viên những tình huống tranh chấp có thể phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng vận tải. Ngoài ra học phần cũng cung cấp kiến thức về các hợp đồng khác liên quan đến dịch vụ logistics như hợp đồng thuê kho bãi, hợp đồng xếp dỡ hàng hoá.
21	0101100031	Kinh tế học	3	Học phần Kinh tế học bao gồm 2 phần là kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô. Nội dung kinh tế học vi mô giới thiệu cung, cầu và giá cả thị trường. Ngoài ra, khái niệm thặng dư sản xuất, thặng dư tiêu dùng và các chính sách của chính phủ như thuế, trợ cấp, giá tối đa, tối thiểu cũng được giới thiệu và phân tích tác động của nó; nghiên cứu về lý thuyết lựa chọn của người tiêu dùng và từ những nguyên tắc cơ bản trong việc tối ưu hoá hành vi của người tiêu

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				dùng sẽ xây dựng dạng thức của đường cầu thị trường; nghiên cứu về hành vi của doanh nghiệp theo một trình tự logic từ lý thuyết sản xuất đến lý thuyết chi phí và nguyên tắc tối đa hoá lợi nhuận, tối thiểu hoá lỗ; các mô hình về thị trường độc quyền để hoàn chỉnh việc nghiên cứu các cấu trúc thị trường sản phẩm. Nội dung kinh tế học vĩ mô cung cấp cho sinh viên có thể hiểu được ý nghĩa các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô như: GDP, GNP, CPI, tốc độ tăng trưởng kinh tế, tỷ lệ lạm phát...; nghiên cứu các công cụ của chính sách tài khoá như: thuế, chi ngân sách của chính phủ; các công cụ chính sách tiền tệ như: lãi suất chiết khấu, lượng cung tiền, tỷ lệ dự trữ bắt buộc, chính sách mua bán chứng khoán, cách thức hình thành lãi suất trên thị trường tiền tệ; ; Ngoài ra, sinh viên còn có thể phân biệt được sự khác nhau giữa các khái niệm mất giá - lên giá, nâng giá - phá giá của một đồng tiền và giải thích được sự hình thành tỷ giá hối đoái trên thị trường ngoại tệ và cách mà chính phủ có thể can thiệp vào thị trường ngoại tệ trong từng cơ chế tỷ giá hối đoái; sinh viên cũng được cung cấp các khái niệm lạm phát, thất nghiệp và mối quan hệ của nó trong ngắn hạn và dài hạn.
22	0101124328	Thống kê trong logistics và chuỗi cung ứng	3	Học phần thống kê trong logistics và chuỗi cung ứng giải quyết vấn đề về nguyên lý thống kê, các loại điều tra trong thống kê, phương pháp điều tra, trình bày số liệu thu thập, phân tổ thống kê và phân tích trong thống kê, xử lý số liệu thống kê bằng phần mềm và các bài toán kiểm định thống kê để chỉ ra tính qui luật của hiện tượng kinh tế- xã hội. Kết thúc môn học nguyên lý thống kê sinh viên nắm bắt được những vấn đề cơ bản về thống kê trong logistics và chuỗi cung ứng hoạt động thị trường.
23	0101124325	Marketing và cung ứng dịch vụ	3	Học phần marketing dịch vụ giới thiệu và giúp sinh viên biết được những vấn đề liên quan đến marketing dịch vụ, so sánh sự khác nhau và giống nhau giữa marketing dịch vụ và marketing sản phẩm hữu hình. Học phần marketing dịch vụ trang bị cho sinh viên những kiến thức căn bản về chất lượng dịch vụ, marketing dịch vụ là gì, nhận biết các yếu tố tác động đến chất lượng dịch vụ, phương pháp

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				đo lường chất lượng dịch vụ của một doanh nghiệp, vì các doanh nghiệp ngày nay đòi hỏi phải chú trọng đến khả năng làm hài lòng khách hàng, chất lượng dịch vụ, dịch vụ khách hàng. Các chiến lược Marketing Mix trong kinh doanh dịch vụ bao gồm các quyết định về sản phẩm dịch vụ, giá cả, phân phối và thời gian, thiết kế và quản trị quy trình dịch vụ, quyết định truyền thông dịch vụ, môi trường dịch vụ, yếu tố con người.
24	0101124329	Nghiệp vụ ngoại thương và Xuất nhập khẩu hàng hóa	3	Học phần Nghiệp vụ ngoại thương và xuất nhập khẩu hàng hóa cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản nhất về hoạt động thương mại quốc tế như: vai trò của hoạt động ngoại thương, các rủi ro đối với hoạt động ngoại thương. Học phần cũng giúp sinh viên nhận ra được những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đàm phán một hợp đồng thương mại quốc tế. Đặc biệt, học phần này giúp sinh viên hiểu được cách phân chia trách nhiệm, chi phí và rủi ro giữa người xuất khẩu và nhập khẩu, từ đó lựa chọn được điều kiện Incoterms thích hợp. Cuối cùng là những điểm cần lưu ý trong quá trình soạn thảo các điều khoản của hợp đồng ngoại thương.
25	0101123078	Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng	3	Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng được xây dựng trên nền logistics và chuỗi cung ứng cơ bản: Quản trị Logistics sinh viên được cung cấp kiến thức về những nền tảng cơ bản để xây dựng các giải pháp Logistics là sản xuất tinh gọn và từ đó phát triển thành JIT. Khách hàng là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến doanh thu của doanh nghiệp, hoạt động Logistics giúp cải thiện dịch vụ khách hàng và tạo giá trị gia tăng. Hệ thống thông tin ảnh hưởng rất lớn đến quá trình đặt hàng và quản lý các hoạt động Logistics. Sự cải tiến của hệ thống này sẽ tạo được lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Quản trị chuỗi cung ứng là lập kế hoạch chung nhằm đảm bảo nguồn cung cấp để sản xuất và phân phối đúng nhu cầu của khách hàng sao cho chi phí tối thiểu. Học phần Quản trị chuỗi cung ứng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chuỗi cung ứng, quá trình lập kế hoạch chung, mô tả quá trình sản xuất, quá trình phân

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				phối trong doanh nghiệp, nhiều doanh nghiệp liên kết với nhau thành chuỗi.
26	0101121971	Hàng hóa vận tải	3	Giới thiệu những khái niệm cơ bản của Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải trong quá trình vận tải, đưa ra những nguyên nhân dẫn đến lượng giảm tự nhiên và tổn thất Hàng hóa vận tải, từ đó đề ra các giải pháp khắc phục. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên những yêu cầu về vận chuyển, bảo quản và xếp dỡ một số loại Hàng hóa vận tải thường gặp. Sinh viên được trang bị về khái niệm Hàng hóa vận tải nguy hiểm, các điều kiện vận chuyển Hàng hóa vận tải nguy hiểm, các phương thức vận chuyển Hàng hóa vận tải nguy hiểm cùng với các thông số của Hàng hóa vận tải khi vận chuyển.
27	0101123666	Vận tải biển và thủy nội địa	4	Giới thiệu những kiến thức tổng quan về vận tải nói chung. Môn học trình bày vai trò của vận tải biển và vận tải thủy nội địa. Môn học cũng giới thiệu cho sinh viên biết cơ sở vật chất cần thiết cho vận tải biển và vận tải thủy nội địa. Bên cạnh đó, môn học hướng dẫn sinh viên cách phân biệt phương thức thuê tàu chợ, thuê tàu chuyên và cách tính chi phí vận chuyển bằng đường biển.
28	0101122370	Vận tải hàng không	3	Giới thiệu tóm tắt các yếu tố liên quan đến vận tải. Các đặc điểm, thực trạng và ưu nhược điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phương thức vận tải đường hàng không. Môn học nghiên cứu vận tải hàng không và cơ sở vật chất vận tải hàng không, các phương thức thuê tàu bay, các loại tàu bay. Tổng quan đường hàng không, vai trò của đường hàng không, các hình thức công tác của đoàn tàu, các chỉ tiêu vận chuyển Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải và hành khách đường hàng không
29	0101124084	Vận tải đường sắt và đường bộ	2	Giới thiệu tóm tắt các yếu tố liên quan đến vận tải. Các đặc điểm, thực trạng và ưu nhược điểm và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của phương thức vận tải đường bộ và đường sắt. Môn học nghiên cứu vận tải đường sắt, đường bộ và cơ sở vật chất vận tải đường sắt và đường bộ, các phương thức thuê tàu, ô tô, các loại tàu, ô tô. Tổng quan đường sắt và đường bộ, vai trò của đường sắt và đường bộ, các hình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				thức công tác của đoàn tàu, các chỉ tiêu vận chuyển Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải và hành khách đường sắt và đường bộ.
30	0101121981	Nghiệp vụ hải quan	3	Học phần Nghiệp vụ hải quan là môn thuộc khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho người học kiến thức về quy trình, thủ tục khai báo hải quan đối với các loại hình xuất nhập khẩu mẫu dịch, tạm nhập tái xuất, gia công, hàng dự hội chợ triển lãm, hàng viện trợ, hàng của các cơ quan ngoại giao, hàng của cư dân biên giới... cũng như giới thiệu về quy trình nghiệp vụ kiểm tra giám sát hải quan, phương pháp xác định và áp mã tính thuế suất thuế xuất nhập khẩu và các loại thuế khác, đại lý làm thủ tục hải quan và kinh doanh dịch vụ thủ tục Hải quan Việt Nam. Bên cạnh việc đi sâu tìm hiểu về hải quan Việt Nam, môn học cũng giới thiệu về hải quan thế giới, các Công ước quốc tế và Hiệp định về hải quan.
31	0101120403	Vận tải đa phương thức	3	Giới thiệu những kiến thức tổng quan về vận tải đa phương thức cũng như cơ sở pháp lý của vận tải đa phương thức. Môn học cũng đưa ra những yêu cầu cần và đủ để xây dựng và phát triển vận tải đa phương thức. Giới thiệu một số mô hình vận tải đa phương thức thường gặp.
32	0101124078	Quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và các kỹ năng liên quan đến quản trị chi phí trong logistics và chuỗi cung ứng như là: Đo lường chi phí, Quản trị chiến lược chi phí và tài chính trong logistics và chuỗi cung ứng, các nhân tố ảnh hưởng đến chi phí, các yếu tố cấu thành chi phí, các cách phân loại chi phí trong logistics trong doanh nghiệp, ví dụ chi phí trong Logistics bao gồm: Chi phí kho bãi, chi phí vận tải, chi phí khác.. Ngoài ra môn học cung cấp cho sinh viên có khả năng đánh giá năng lực Logistics địa phương và doanh nghiệp.
33	0101123682	Quản trị rủi ro trong logistics và quản lý chuỗi cung ứng	3	Học phần trang bị các kiến thức về rủi ro trong kinh doanh lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Học phần trình bày chi tiết các bước trong quy trình quản trị rủi ro: từ nhận dạng, đo lường, đến kiểm soát và tài trợ nếu thiệt hại xảy ra. Các kỹ thuật phân tích định tính và định

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				lượng cũng được giới thiệu để đánh giá và xếp hạng rủi ro.
34	0101120333	Hệ thống thông tin trong logistics	3	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng về hệ thống thông tin trong Logistics phục vụ cho việc hoạch định và tổ chức các hệ thống thông tin hợp lý cho tổ chức/ doanh nghiệp, phát triển các hệ thống này một cách thích hợp và quản lý chúng một cách hiệu quả.
35	0101124331	Bảo hiểm vận tải	3	Học phần Bảo hiểm vận tải giúp trang bị giúp cho người học nắm vững các kiến thức về bản chất của bảo hiểm; các rủi ro, tổn thất cùng các điều kiện bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu hiện hành. Môn học còn giúp cho người học biết như thế nào là một hợp đồng bảo hiểm, các nguyên tắc và thủ tục mua bảo hiểm và những việc cần làm để được bồi thường khi có tổn thất, nguyên tắc và cách tính toán tiền bồi thường tổn thất.
36	0101122363	Thanh toán quốc tế trong logistics	3	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về tiền tệ thế giới, tỷ giá hối đoái và thị trường hối đoái và các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ, cách phát hành và lưu thông các phương tiện thanh toán quốc tế, cách thực hiện các phương thức thanh toán quốc tế.
37	0101124332	Quản trị hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp Logistics	3	Cung cấp cho sinh viên những khái niệm chung về quản trị doanh nghiệp, và nội dung một số nội dung quản trị doanh nghiệp cơ bản là: tổng quan về doanh nghiệp, khái niệm về doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp gồm doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Công ty có vốn Nhà nước, Công ty có vốn nước ngoài, Công ty đầu tư trực tiếp đầu tư nước ngoài. Sinh viên được cung cấp kiến thức về dự báo kinh tế, dự báo nhu cầu, dự báo kỹ thuật và các phương pháp dự báo. Ngoài ra sinh viên còn được trang bị các kiến thức về các phương pháp hoạch định nguồn lực trong doanh nghiệp. Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên kiến thức về chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, chiến lược phân phối, chiến lược truyền thông và quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp
38	0101124333	Quản trị thu mua và phân phối hàng	2	Quản trị thu mua và phân phối trong chuỗi cung ứng là tổ chức trong quản trị mua sắm trang thiết bị sản xuất, mua dịch vụ và nguồn cung cấp nhằm đảm bảo nguồn cung cấp để sản xuất

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
		trong chuỗi cung ứng		và phân phối đúng nhu cầu của khách hàng sao cho chi phí tối thiểu. Học phần Quản trị thu mua và phân phối trong chuỗi cung ứng cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cung ứng, tổ chức trong quản trị cung ứng, mua sắm trang thiết bị sản xuất, mua dịch vụ và nguồn cung cấp và các kênh phân phối trong chuỗi cung ứng.
39	0101124334	Quản trị kho hàng và hàng tồn kho	3	Cung cấp cho sinh viên kiến thức nền tảng về quản trị kho hàng và tồn kho về: phân loại kho hàng; phân tích và lựa chọn vị trí kho hàng, lựa chọn mô hình phù hợp; thiết kế & sắp xếp trong kho hàng, xác định nhu cầu tồn kho, hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu, tồn kho theo nguyên lý JIT, cung cấp các kiến thức nền tảng về quản trị tồn kho.
40	0101121983	Thương mại điện tử và ứng dụng CNTT trong logistics	3	Cung cấp kiến thức cơ bản về tổng quan các hoạt động thương mại điện tử, cách thức tiến hành hoạt động kinh doanh trên mạng, điều tra thị trường bằng mạng internet, khuyến trương website, tìm kiếm thông tin.
41	0101122443	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế	3	Tổ chức và quản lý khai thác cảng biển quốc tế là môn học nghiên cứu quá trình khai thác cảng biển. Tập trung vào 3 vấn đề chính là lên kế hoạch, điều độ và giám sát hiện trường. Căn cứ vào những thông tin nhận được từ hãng tàu mà người quản lý khai thác cảng biển điều phối con người và thiết bị chuẩn bị cho quá trình khai thác. Người quản lý phải tính trước được những khả năng Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải sẽ vào cảng không theo thứ tự và hàng nhập được phân bổ tập trung về các kho ngoại quan, cảng chuyển tải cũng như chủ hàng tự cho xe đến lấy.
42	0101124336	Phân tích hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp cảng biển	3	Học phần “Phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cảng biển” nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp cảng biển nói riêng. Qua môn học sinh viên có khả năng nhận thức đầy đủ và chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp cảng biển trên cơ sở các thông tin về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sinh viên biết cách tìm hiểu các nguyên nhân tác động đến kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó, tìm giải pháp để không ngừng nâng

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp cảng biển.
43	01011223669	Nghiep vụ giao nhận vận tải quốc tế	4	Học phần giới thiệu tóm tắt các quy định liên quan người giao nhận và nghiệp vụ giao nhận, các nội dung liên quan đến nghiệp vụ gom hàng. Mô tả quá trình giao nhận, nhiệm vụ của người gửi hàng, nhiệm vụ của người nhận hàng. Mô tả các loại bao bì, đóng gói Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải. Nghiên cứu các phương thức giao nhận bằng container, giao nhận bằng đường hàng không, đường bộ, đường biển.
44	0101124335	Quản lý dự án đầu tư cảng biển	2	Học phần Quản lý dự án đầu tư cảng biển giúp sinh viên nắm vững kiến thức và kỹ năng quản lý các dự án đầu tư xây dựng cảng biển từ khâu khảo sát, lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện và hoàn thành dự án.
45	0101124337	Kinh tế vận tải hàng không	3	Học phần “Kinh tế vận tải hàng không” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quan về hoạt động vận tải hàng không và tầm quan trọng của vận tải hàng không trong nền kinh tế chung đồng thời, các phương pháp căn bản để phân tích hoạt động kinh tế trong vận tải hàng không, làm kiến thức phục vụ công tác quản lý hoạt động vận tải hàng không và học tập các môn chuyên ngành về hàng không. Học phần còn trang bị cho sinh viên những kỹ năng sử dụng các công cụ định lượng để đánh giá hiệu quả kinh tế của dịch vụ vận tải hàng không, phân tích và đánh giá tác động của các chính sách lên ngành vận tải hàng không và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong ngành.
46	0101124338	Chứng từ vận tải hàng không quốc tế	3	Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về những chứng từ được sử dụng trong để thực hiện việc vận tải hàng không quốc tế. Bên cạnh đó, học phần cũng cung cấp thêm những chứng từ liên quan đến hàng hóa vận mà có thể ảnh hưởng đến quá trình vận chuyển.
47	0101124339	Quản lý chất lượng dịch vụ vận tải hàng không	2	Học phần trang bị cho người học những nội dung cơ bản và có hệ thống về các khái niệm chất lượng dịch vụ và quản trị chất lượng dịch vụ; các phương pháp đo lường chất lượng dịch vụ; các mô hình quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ và hệ thống quản lý chất lượng dịch vụ trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, học

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				phân đi sâu vào việc phân tích chất lượng dịch vụ vận tải hàng không.
48	0101124340	Tổ chức khai thác cảng hàng không	4	Học phần “Tổ chức khai thác cảng hàng không” nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động khai thác cảng hàng không, đây chuyên công nghệ khai thác cảng phục vụ các chuyến bay qua cảng đồng thời nắm được các nguyên tắc khai thác và đánh giá năng lực phục vụ tại từng khu vực chức năng của cảng, hiểu rõ các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng dịch vụ và năng lực khai thác cảng. Học phần trang bị cho sinh viên kỹ năng xây dựng kế hoạch khai thác phục vụ các chuyến bay qua cảng, điều chỉnh các phương án phục vụ các chuyến bay trong trường hợp không bình thường (ùn tắc sân bay, trường hợp mất an toàn mất an ninh...) và linh hoạt xử lý các tình huống nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ tại sân bay và nâng cao hiệu quả khai thác sân bay.
49	0101124444	Thực tập tốt nghiệp	4	Báo cáo thực tập tốt nghiệp ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra nhưng kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập, có thể là một trong các học phần chủ yếu sau đây: Quản trị logistics, vận tải Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải, quản lý kho hàng và tồn kho; thủ tục xuất nhập khẩu, hoạt động của cảng, hoạt động của chuỗi cung ứng.Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững hơn về cách thức hoạt động của doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng nhằm rút ra kinh nghiệm trong qua trình làm việc sau này như: Quy trình làm việc, cách thức triển khai công việc, phân công lao động, giám sát công việc logistics; vận tải Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải; quản lý kho hàng và tồn kho; thủ tục xuất nhập khẩu, hoạt động của cảng, hoạt động của chuỗi cung ứng v.v... Đồng thời, tiếp cận những vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học, quan điểm, phương pháp luận và các bước tiến hành nghiên cứu khoa học.Việc lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu, sự đóng góp của công trình nghiên cứu. Cách thức

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				thu thập và các nguồn thông tin, xây dựng bảng câu hỏi, phương pháp phỏng vấn, chọn mẫu.
50	0101124401	Văn hóa doanh nghiệp	3	Học phần này nhằm cung cấp các kiến thức về văn hóa và cách thức xây dựng văn hóa trong tổ chức, người học có được những kỹ năng cần thiết khi hội nhập vào môi trường làm việc của tổ chức; xây dựng và thiết lập các chuẩn mực văn hóa tổ chức trong các hoạt động giao tiếp với xã hội và cộng đồng.
51	0101123713	Thực hành kỹ năng nghề nghiệp	3	Học phần “Thực hành kỹ năng nghề nghiệp” là học phần mà người học phải liên hệ với các đơn vị đang hoạt động trong nền kinh tế, để vào học tập thực tế; tìm hiểu hoạt động sản xuất, kinh doanh; xác định vấn đề đơn vị đang gặp phải và đưa ra giải pháp phù hợp. Học phần này giúp người học tổng hợp tất cả các kiến thức đã được học và liên hệ với thực tiễn, tiếp xúc với môi trường văn hóa doanh nghiệp đang hoạt động. Từ đó, góp phần nâng cao ý thức học tập và định hướng cho tương lai của người học.
52	0101120743	Khóa luận tốt nghiệp	8	Báo cáo khóa luận tốt nghiệp ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng là báo cáo tổng hợp hoạt động của đơn vị hay bộ phận thực tập từ đó đưa ra những kiến nghị và rút ra kinh nghiệm học hỏi được của sinh viên từ quá trình đi thực tập, có thể là một trong các học phần chủ yếu sau đây: Quản trị logistics, vận tải Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải; quản lý kho hàng và tồn kho; thủ tục xuất nhập khẩu, hoạt động của cảng, hoạt động của chuỗi cung ứng ...Sau khi hoàn tất học phần sinh viên có khả năng nắm vững hơn về cách thức hoạt động của doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng nhằm rút ra kinh nghiệm trong qua trình làm việc sau này như: Quy trình làm việc, cách thức triển khai công việc, phân công lao động, giám sát công việc logistics; vận tải Hàng hóa vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải vận tải; quản lý kho hàng và tồn kho; thủ tục xuất nhập khẩu, hoạt động của cảng, hoạt động của chuỗi cung ứng v.v... Đồng thời, tiếp cận những vấn đề liên quan đến nghiên cứu khoa học, quan điểm, phương pháp luận và các bước tiến hành nghiên cứu khoa học. Việc lựa chọn vấn đề cần nghiên cứu, sự đóng góp của công trình nghiên cứu.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				Cách thức thu thập và các nguồn thông tin, xây dựng bảng câu hỏi, phương pháp phỏng vấn, chọn mẫu.
53	0101124025	Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	2	Học phần này được dùng để giúp cho sinh viên tiếp cận với phương pháp làm việc chuyên nghiệp trong lĩnh vực kinh tế. Sinh viên sau khi học môn học này sẽ có nhận thức và hiểu biết về đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm của mình trong quá trình thực thi công tác chuyên môn. Hệ thống hóa và cập nhật lý thuyết môn Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế hội nhập toàn cầu.
54	0101124026	Kỹ năng tìm việc và khởi nghiệp	2	Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về quá trình khởi tạo doanh nghiệp mới trong nền kinh tế thị trường. Học phần trình bày những nội dung cốt lõi như: Tổng quan về khởi nghiệp, quá trình sáng tạo và phát sinh ý tưởng kinh doanh, đánh giá cơ hội của đề án kinh doanh trên thị trường, vấn đề pháp luật trong khởi nghiệp, kế hoạch khởi nghiệp và chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong giai đoạn đầu của quá trình hình thành và phát triển.
55	0101122583	Đại lý tàu biển	2	Giới thiệu những kiến thức tổng quan về đại lý tàu biển, cách phân loại đại lý tàu biển. Môn học cũng nêu ra chức năng, quyền hạn của đoàn làm thủ tục ra vào cảng. Giới thiệu thủ tục cho tàu ra vào cảng biển tại Việt Nam, các công việc cụ thể của đại lý tàu và các loại phí, lệ phí tại cảng biển.
56	0101124326	Tổ chức - Quản lý trung tâm logistics	2	Học phần “Tổ chức quản lý trung tâm logistics” nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để hiểu, phân tích và quản lý một trung tâm logistics hiệu quả trong chuỗi cung ứng hiện đại. Sinh viên sẽ được làm quen với các loại hình, chức năng và vai trò then chốt của trung tâm logistics. Sinh viên sẽ nghiên cứu các mô hình tổ chức và quản lý trung tâm logistics, bao gồm việc lập kế hoạch, ra quyết định và ứng dụng công nghệ số hóa. Đồng thời, môn học cũng cung cấp cái nhìn về các xu hướng mới và cách tiếp cận sáng tạo trong quản lý trung tâm logistics, giúp sinh viên có thể đáp ứng được các yêu cầu ngày càng cao của chuỗi cung ứng hiện đại.

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
57	0101060029	Giáo dục quốc phòng và an ninh*	8*	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quân sự, công tác quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước; những kỹ năng quân sự, an ninh cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và làm nghĩa vụ quân sự, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
58	0101123628	Giáo dục thể chất*	2*	Học phần này trang bị cho sinh viên kiến thức: Hiểu biết về tầm quan trọng của võ (Vovinam) đối với sức khỏe con người; kiến thức cơ bản về phòng tránh, xử lý những phản ứng sinh lý xấu khi tập luyện võ (Vovinam). Khi tập luyện võ (Vovinam) giúp tăng cường sức khỏe; tăng cường sức chịu đựng; cải thiện sức khỏe tinh thần; tăng tính kỷ luật...
59	0101060025	Giáo dục thể chất 2*	1*	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về rèn luyện sức khỏe bằng việc luyện tập nhảy dân vũ. Nhằm mục đích nâng cao hiệu quả giảng dạy học phần “Giáo dục thể chất”, tạo sân chơi bổ ích cho sinh viên có cơ hội sinh hoạt tập thể, thắt chặt tinh thần đoàn kết, tích lũy kiến thức, thực hành các kỹ năng được trang bị trong chương trình học tập ngoại khóa với các bài nhảy nhiều màu sắc khác nhau, thể hiện tính sáng tạo, khả năng làm việc nhóm, sự tự tin tham gia các hoạt động tập thể của sinh viên trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu.
60	0101123601	MOS Word*	2*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ cơ bản như: thiết lập chung, định dạng kí tự, định dạng trang văn bản, tùy biến định dạng, chèn các đối tượng đến các chức năng nâng cao như: điều khiển luồng văn bản, liên kết, mục lục, trộn thư,... nhằm giúp sinh viên vận dụng các công cụ của phiên bản Microsoft Office Word một cách hiệu quả, giúp tiết kiệm nhiều thời gian cho việc xử lý văn bản ngắn cũng như văn bản dài nhiều trang, như báo cáo tiểu luận, luận văn,....
61	0101123665	MOS Excel*	2*	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức từ việc tạo, chỉnh sửa, định dạng dữ liệu, làm việc với công thức và in ấn các trang tính Excel đến việc sử dụng các công cụ của

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
				<i>Microsoft Office Excel để trình bày, phân tích dữ liệu một cách hiệu quả.</i>
62	0101121911	MOS Powerpoin*	2*	<i>Học phần Mos Powerpoint cung cấp cho người học những kiến thức căn bản từ thiết lập chung trong MS Powerpoint, soạn thảo, định dạng nội dung cho trang chiếu (slide), chèn và tùy chỉnh các đối tượng đồ họa, đa phương tiện, thiết lập hiệu ứng cho slide và các đối tượng trên slide đến các thiết lập tùy chỉnh trình chiếu để xây dựng bài thuyết trình lôi cuốn, ấn tượng nhanh chóng và hiệu quả.</i>
63	0101124357	Kỹ năng nghiệp vụ Logistics và Kinh doanh quốc tế*	3*	<i>Học phần “Kỹ năng nghiệp vụ Logistics và Kinh doanh quốc tế” nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và kỹ năng cần thiết để làm việc hiệu quả trong các doanh nghiệp logistics, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế. Môn học không chỉ trang bị cho sinh viên những kiến thức lý thuyết cần thiết mà còn giúp sinh viên phát triển các kỹ năng thực hành quan trọng để thành công trong môi trường kinh doanh toàn cầu.</i>
64	0101123671	Tiếng Anh CDR 1*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngành nghề, lối sống, con người, thực phẩm...</i>
65	0101123672	Tiếng Anh CDR 2	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới ngày lễ, giao thông, sức khỏe, trải nghiệm...</i>
66	0101123673	Tiếng Anh CDR 3*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan tới cuộc sống, công việc, thư giãn, và giữ gìn sức khỏe...</i>
67	0101123674	Tiếng Anh CDR 4*	3*	<i>Học phần chú trọng xây dựng vốn từ vựng, ngữ pháp và phát triển tất cả các kỹ năng: nghe, nói, đọc viết trong giao tiếp hàng ngày về các chủ đề liên quan đến những thay đổi trong cuộc sống, thế giới tự nhiên, xã hội, công nghệ...</i>
68	0101124204	Tiếng Nhật CDR 1 (Japanese CDR 1)	3*	<i>Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) ở cấp độ sơ cấp 3 và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào thực tiễn cuộc sống.</i>

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Mô tả tóm tắt học phần
69	0101124205	<i>Tiếng Nhật CDR 2 (Japanese CDR 2)</i>	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) ở cấp độ trung cấp 1 và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào thực tiễn cuộc sống.
70	0101124206	<i>Tiếng Nhật CDR 3 (Japanese CDR 3)</i>	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) ở cấp độ trung cấp 2 và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào thực tiễn cuộc sống.
71	0101124207	<i>Tiếng Nhật CDR 4 (Japanese CDR 4)</i>	3*	Học phần trang bị cho sinh viên những kỹ năng tiếng Nhật tổng hợp (Nghe, Nói, Đọc hiểu, viết, ...) ở cấp độ trung cấp 3 và cách thức vận dụng những kỹ năng đó vào thực tiễn cuộc sống.

XII. PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

1. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy vai trò chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Phương pháp giảng dạy được cụ thể hóa trong Đề cương chi tiết học phần đảm bảo đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của mỗi học phần và của cả chương trình đào tạo.

2. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên chuẩn đầu ra, làm rõ mức độ đạt được của người học theo các cấp độ tư duy quy định trong chuẩn đầu ra mỗi học phần, mỗi thành phần và chương trình đào tạo.

Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo.

Hình thức đánh giá kết quả học tập được quy định cụ thể trong Đề cương chi tiết học phần và phù hợp với quy chế đào tạo hiện hành, đáp ứng các mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

Chương trình sử dụng thang điểm 10 để đánh giá học phần, quy tương đương sang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ của Bộ Giáo dục và đào tạo và của Nhà trường.

3. Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ

Đội ngũ giảng viên và nhân lực hỗ trợ của chương trình đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu

Cơ sở hạ tầng, trang thiết bị thực hành, thí nghiệm, công nghệ thông tin, thư viện, học liệu, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo đáp ứng các yêu cầu quy định tại các văn bản hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

XIII. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Đính kèm

HIỆU TRƯỞNG

Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 20.....
TRƯỞNG KHOA

PGS.TS.LS. Nguyễn Thị Hoài Phương

ThS. Đỗ Thanh Phong